

Bản án số: 32/2023/DS-PT
Ngày: 10-3-2023
V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2022/TLPT ngày 11/11/2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp 5C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2/ Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 09/15, tổ 91, khu 10, phường Chánh Nghĩa – TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 (đã chết)

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

4/ Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

5/ Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 119, tổ 5, ấp 6B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
6/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 (đã chết)
Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
7/ Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
8/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1994
Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
9/ Bà Nguyễn Thị Trúc V, sinh năm 1997
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước
10/ Bà Nguyễn Thị Phượng H1, sinh năm 2000
Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
11/ Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1960
Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Người được ông Nguyễn Văn C1 ủy quyền Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971 (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/3/2022)
Địa chỉ: Ấp 5C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Người được bà Nguyễn Thị Hồng P ủy quyền ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1999 (văn bản ủy quyền ngày 30/8/2022)
Địa chỉ: Tổ 5, ấp 6B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Người được Bà Nguyễn Thị Ngọc T ủy quyền ông Võ Đình T4, sinh năm 1990 (giấy ủy quyền ngày 25/8/2022)
Người được Bà Nguyễn Thị Ngọc T ủy quyền bà Võ Thị Ngọc T5, sinh năm 1997 (giấy ủy quyền ngày 03/8/2022)
Địa chỉ: Ấp 5C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
Người được Bà Nguyễn Thị Mai H ủy quyền: Ông Lâm Keo Chăn T6, sinh năm 1992 (giấy ủy quyền ngày 06/4/2022)
Địa chỉ: Tổ 6, Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.
Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phượng H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, bản tự khai và tại phiên tòa người được bà T ủy quyền bà Võ Thị Ngọc T5 trình bày:

Cha mẹ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1909 (chết năm 2002) và bà Phạm Thị Bông, sinh năm 1927 (chết năm 2004) sinh được 09 người con, Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1955, ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1956, Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959, Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1960, Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1966, Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968, Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971, Nguyễn Thị Ngọc V1, sinh năm 1976 (đã chết), bà V không có chồng và không có con.

Ông T1 không có vợ, con, Ông T1 chết năm 2003, khi chết có để lại 01 thửa đất diện tích 20.393m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), thửa đất tọa lạc tại ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, Ông T1 chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Đ có chồng, con. Bà Đ chết năm 2009, các con Bà Đ tên Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1988, Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Trúc V, sinh năm 1997, Nguyễn Thị Phượng H1, sinh năm 2000, ông Nguyễn Văn T1 chết không để lại di chúc, Ông T1 có 01 thửa đất diện tích 20,393m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất tọa lạc tại ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Nay bà T yêu cầu phân chia di sản thừa kế của Ông T1 chết để lại là thửa đất diện tích 20.393m² và tài sản trên đất, chia đều cho 7 anh, chị em. Bà T được hưởng 1 phần trong đó.

Đối với cây tầm vong trên đất thì trước đây bà B và ông C1 trồng, sau này cây tầm vong chết bụi nào thì ông C trồng và thu hoạch cây tầm vong.

Đối với phần tài sản Bà Đ được chia nhưng hiện nay Bà Đ đã chết nên chia cho các con Bà Đ là Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Thị Phượng H1 được hưởng.

Tại phiên tòa bà T5 là người được bà T ủy quyền giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tại đơn tường trình và biên bản lấy lời khai của ông C xác định thửa đất hiện nay Ông T1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cha mẹ mua cho Ông T1, năm 2003 Ông T1 qua đời thì mẹ là Phạm Thị B còn sống giao cho ông là người quản lý thửa đất trên, cây tầm vong là do ông C trồng, chăm sóc cây tầm vong từ năm 2003, năm 2004 chết bụi nào thì ông lại trồng bụi đó cho đến nay, nếu thửa đất được chia cho các anh chị em trong gia đình thì số cây tầm vong phải tính giá trị cho Ông Nguyễn Văn C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 ủy quyền cho bà T trình bày:

Ông C1 thống nhất nội dung sự việc như Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã trình bày về cha mẹ, anh chị em, trong gia đình cũng như di sản thừa kế của Ông T1 để lại. Khi Ông T1 chết thì trên thửa đất 20.393m² có trồng khoảng hơn 1000 bụi tầm vong, tương đương 10.000 cây tầm vong, gia đình anh em thống nhất giao cho Ông Nguyễn Văn C quản lý thửa đất và chăm sóc, thu hoạch cây tầm vong. Nay ông C1 yêu cầu chia di sản của Ông T1 để lại thành 7 kỷ phần, mỗi phần tương ứng với diện tích 2.913m², ông C1 được hưởng 1 kỷ phần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P ủy quyền ông Nguyễn Minh H2 trình bày:

Bà P thống nhất với trình bày như Bà Nguyễn Thị Ngọc T về nội dung sự việc và đồng ý phân chia thửa đất của ông Nguyễn Văn T1 chết để lại có diện tích 20.393m² tọa lạc tại ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất là cây

tầm vông thành 7 phần bằng nhau cho 7 anh em trong gia đình, bà nhận 1 phần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Trúc V, Nguyễn Thị Phượng H1 trình bày:

Chị T3, anh S, chị V, chị H1 là con của Bà Nguyễn Thị Đ đã chết năm 2009, tất cả thống nhất với trình bày của Bà Nguyễn Thị Ngọc T và đồng ý chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T1 chết để lại diện tích 20.393m² đất và tài sản trên đất thành 7 phần bằng nhau. Chị T3, anh S, chị Vi, chị H1 được hưởng 1 phần của Bà Đ được chia nếu còn sống.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông Nguyễn Văn R và Bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1988, trước khi chung sống thì Bà Đ đã có chồng và ông R đã có vợ, khi vợ chồng chung sống thì không đăng ký kết hôn, về tài sản thì của ai người đó để riêng, vợ chồng chung sống không có tài sản chung, ông và Bà Đ không chung sống với nhau từ năm 2006, vợ chồng tự giải quyết không nhờ Tòa án giải quyết, năm 2009 thì Bà Đ chết, hiện nay bà T làm đơn yêu cầu phân chia tài sản của ông Nguyễn Văn T1 chết không để lại di chúc thì ông không có ý kiến gì, tài sản này là tài sản riêng của bà Đ, nếu Bà Đ được chia thì ông thống nhất để cho bốn người con chung với Bà Đ gồm Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Thị Phượng H1 được hưởng và ông xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T1 cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu T2 được chia thừa đất 752, diện tích 2.931.2m² x 60.000đ/1m² = 175.872.000đồng, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 328.220.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C được chia thừa đất 753, diện tích 2.921.7m² x 60.000đ/1m² = 175.302.000đồng, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 327.650.571 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được chia thừa đất 754, diện tích 2.904.1m² x 60.000đ/1m² = 174.246.000đồng, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 326.594.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 được chia thừa đất 755, diện tích 2.910.7m² x 60.000đ/1m² = 174.642.000đồng, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 326.990.571 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng P được chia thừa đất 756, diện tích 2.907.8m² x 60.000đ/1m² = 174.468.000đồng, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 326.816.571 đồng

Bà Nguyễn Thị Mai H được chia thừa đất 757, diện tích $2.907\text{m}^2 \times 60.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 174.420.000\text{đồng}$, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 326.768.571 đồng.

Các đồng sở hữu bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Thị Phụng H1 được chia thừa đất 758, diện tích $2.910.5\text{m}^2 \times 60.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 174.630.000\text{đồng}$, trong đó có 343 bụi tầm vông.

Trị giá cây tầm vông 6.860 cây x 22.000đồng = 150.920.000đồng và 1.428.571 đồng giá trị đất thổ cư. Tổng giá trị tài sản 326.978.571 đồng .

2/ Về giá trị cây tầm vông các đương sự phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C cụ thể như sau :

Bà Nguyễn Thị Mai H phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T2 phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng P phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000đồng.

Các đồng sở hữu bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Thị Phụng H1 phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn C trị giá cây tầm vông là 150.920.000 đồng.

3/ Về giá trị đất thổ cư ông Nguyễn Văn C1 phải hoàn cho các đương sự cụ thể như sau :

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho Bà Nguyễn Thị Mai H số tiền 1.428.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho Bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 1.428.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho Ông Nguyễn Văn C số tiền 1.428.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 1.428.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho Bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.428.571 đồng.

Ông Nguyễn Văn C1 hoàn trả giá trị đất thổ cư cho đồng sở hữu bà Nguyễn Thị Kim T3, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Thị Phụng H1 số tiền 1.428.571 đồng.

Tất cả các thửa đất được chia đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T1 cấp ngày 24/8/1996 và cấp đổi sổ ngày 07/5/2002, đất tọa lạc tại ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (*Vị trí, tọa độ, diện tích đất cùng các tài sản nêu trên thể hiện tại Trích đo bản đồ địa chính số 61 - 2022 ngày 18/8/2022 của Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Bình Phước*).

Các đương sự liên hệ với cấp có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định chung, mọi chi phí phát sinh sau này người nào được chia thửa đất nào thì phải chịu chi phí phát sinh thửa đất đó (nếu có).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2022 Bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1 có đơn kháng cáo; ngày 15/10/2022 Bà Nguyễn Thị Mai H có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo của các đương sự đều đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng những người được chia đất không phải bồi thường giá trị cây tầm vông cho ông C

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình. Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ không đầy đủ nên cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1 làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp các tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Di sản thừa kế các bên tranh chấp yêu cầu phân chia là thửa đất diện tích 20.393m² trên thửa đất có trồng cây tầm vông, đất đã được cấp GCNQSD đất đứng

tên ông Nguyễn Văn T1 cấp ngày 24/8/1996, cấp đổi GCNQSD đất số 01921/QSĐĐ ngày 07/5/2002, thửa đất tọa lạc tại ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc đất và tài sản là cây tầm vông trồng trên đất, theo bà T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng là của Ông T1 tạo dựng được, còn ông C cho rằng diện tích đất trên bao gồm phần đất của Ông T1 được cấp kháng 3000m², phần còn lại của cha mẹ là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Phạm Thị B mua thêm, cây tầm vông trên đất là do ông C trồng.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự, nhận thấy:

[3.1] Về thủ tục thụ lý vụ án và xác định tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện đối với Ông Nguyễn Văn C để yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Những người còn lại bao gồm Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P và những người thừa kế của Bà Nguyễn Thị Đ đều có yêu cầu được chia một phần di sản thừa kế của Ông T1 để lại. Do vậy, cấp sơ thẩm cần phải xác định những người này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, hướng dẫn họ làm đơn yêu cầu, nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định (trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí) để thụ lý giải quyết đối với yêu cầu của họ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không thực hiện mà vẫn giải quyết vụ án, đồng thời phân chia cho mỗi người một phần trong khối di sản thừa kế của Ông T1 để lại là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự và là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm xác định Bà Nguyễn Thị Thu T2, Bà Nguyễn Thị Mai H, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phượng H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngoài việc không có đơn yêu cầu như đã nêu ở trên thì trong hồ sơ vụ án không có bản tự khai của họ, cấp sơ thẩm không triệu tập làm việc để xem xét họ có yêu như thế nào nhưng khi xét xử vẫn phân chia cho họ được hưởng một phần di sản thừa kế là không có căn cứ.

Thủ tục triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải không đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng các Điều 207, Điều 208, Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Về thu thập chứng cứ: Các bên đương sự tranh chấp nhau về số cây tầm vông trồng trên đất là do ai trồng, theo xác định của các đương sự thì có khoảng 48.060 cây. Ông C cho rằng số cây tầm vông trên do ông trồng và chăm sóc. Phía bà T và những người liên quan cho rằng số cây tầm vông là do ông Đ1 bà B và Ông T1 trồng, ông C chỉ có công chăm sóc và đã thu hoạch hưởng hoa lợi trong suốt những năm qua. Xét lời khai của các đương sự có tranh chấp về việc ai là người trồng chăm sóc cây tầm vông, nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập được các tài liệu, chứng cứ để xác định ai là người trồng số cây tầm vông trên mà đã kết luận do một mình ông C trồng toàn bộ để buộc nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn trả cho ông C giá trị số cây tầm vông trên đất được chia là không có căn cứ.

Xét thấy, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự và thu thập chứng cứ không đầy đủ, do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, hủy toàn bộ Bản án số 34/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Án phí DSST và chi phí tố tụng: Cấp sơ thẩm xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1 được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị Ngọc T tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010047 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng P tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010049 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Trúc V, bà Nguyễn Thị Phụng H1 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010050 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hòa